TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 6 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Kiều Nhung

Ông Nguyễn Hữu Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 - 01 - 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 - 05 - 2019, Quyết định Hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 - 6 - 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị PMH; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 156 gác 3 A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số 02/60 C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Bị đơn: Anh TQT; địa chỉ: Số 156 gác 3 A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27 - 12 - 2018, được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai ngày 30 - 01 - 2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Chị PMH và anh TQT xây dựng gia đình với nhau từ năm 2005, do hai bên tự nguyện, nhưng đến năm 2006 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng

phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Hiện hai bên đã sống ly thân và không còn tình cảm, trách nhiệm gì với nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị PMH yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh TQT theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị PMH và anh TQT có 01 con chung là F, sinh ngày 21 - 11 - 2005, hiện chị PMH đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị PMH có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ do chị thỏa thuận với anh TQT, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị PMH đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh TQT theo quy định của pháp luật nhưng anh TQT đều không đến và cũng không gửi bất cứ văn bản nào đến Tòa án thể hiện quan điểm, yêu cầu của mình về việc chị PMH xin ly hôn; yêu cầu về tài sản và yêu cầu về nuôi dưỡng con chung.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu.

Nguyên đơn chấp hành yêu cầu của Tòa án.

Bị đơn không chấp hành yêu cầu của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị PMH được ly hôn anh TQT; về con chung: Giao con chung là là F, sinh ngày 21 - 11 - 2005 cho chị PMH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị PMH đề nghị Toà án để hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung: Chị PMH đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Chị PMH phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Bởi vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị PMH và anh TQT được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về căn cứ cho ly hôn:

Chị PMH có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị PMH cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau; đã sống ly thân, không còn trách nhiệm với nhau. Do đó chị PMH vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu của mình về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh TQT là có cơ sở và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, anh TQT không đến Tòa án tham gia hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa để bảo vệ quyền lợi cho mình. Như vậy, chứng tỏ bản thân anh TQT cũng không mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống thực tế của vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau không ai quan tâm tới ai là đúng với trình bày của nguyên đơn và phù hợp với các Biên bản điều tra xác minh tại địa phương. Hai bên đều đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải chung sống, quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Mặt khác, hai bên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị PMH yêu cầu được ly hôn với anh TQT là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị PMH và anh TQT có 01 con chung, là F, sinh ngày 21 - 11 - 2005. Ly hôn, chị PMH có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh TQT không có ý kiến, quan điểm gì về việc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy việc để chị PMH trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp với nguyện vọng của nguyên đơn, của con chung; phù hợp với thực tế; phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp

nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận và thực hiện với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh TQT có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh TQT lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị PMH có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh TQT theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Chị PMH phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008094 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị PMH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị PMH được ly hôn với anh TQT.

2. Về con chung: Giao con chung, là là F, sinh ngày 21 - 11 - 2005 cho chị PMH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh TQT có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị PMH có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh TQT nếu anh TQT lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị PMH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0008094 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị PMH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND P. A, Q. B, HP;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Trung Dũng